

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018  
và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

---

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	5 - 6
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 40



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban	
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018)	(i)
- Bà Hồ Thị Huệ	Ủy viên (Đến ngày 05/04/2018)	(i)
- Bà Lê Thị Hồng Cẩm	Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018)	(i)
- Bà Hoàng Thị Thúy	Ủy viên (Từ ngày 05/04/2018)	(i)

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 8 năm 2018

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Dũng**

Số: 01 /2018/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 02/08/2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 7 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Hồng Quang**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0576-2018-242-1

40-C  
TY  
HỮU H  
P  
AM  
-T.P

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.328.529.919</b>	<b>42.490.135.088</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.855.167.668	2.923.514.629
Tiền	111	5.1	10.855.167.668	2.923.514.629
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.190.464.440	21.700.092.596
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	47.880.453.766	21.007.960.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.425.113.824	1.035.927.348
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	573.195.744	990.495.954
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(1.688.298.894)	(1.334.291.433)
Hàng tồn kho	140	5.5	21.282.897.811	17.866.527.863
Hàng tồn kho	141		21.691.898.340	19.188.442.023
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(409.000.529)	(1.321.914.160)
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>328.396.127.755</b>	<b>356.625.259.516</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		413.810.144	381.351.904
Phải thu dài hạn khác	216		413.810.144	381.351.904
Tài sản cố định	220		320.494.379.152	349.291.627.672
TSCĐ hữu hình	221	5.7	305.438.235.880	333.875.255.048
- Nguyên giá	222		918.821.475.770	917.938.975.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(613.383.239.890)	(584.063.720.722)
- Nguyên giá	228		21.458.340.973	21.458.340.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.402.197.701)	(6.041.968.349)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.461.516.651	3.505.237.690
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	4.461.516.651	3.505.237.690
Tài sản dài hạn khác	260		3.026.421.808	3.447.042.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.026.421.808	3.447.042.250
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>411.724.657.674</b>	<b>399.115.394.604</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>265.476.614.524</b>	<b>246.344.788.951</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.861.605.514</b>	<b>220.345.387.856</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	30.603.672.855	36.108.090.988
Người mua trả tiền trước	312		675.944.142	564.044.055
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	19.445.121.723	6.710.258.656
Phải trả người lao động	314		24.865.816.714	25.415.378.305
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.873.878.829	4.125.611.885
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	1.317.987.056	1.391.546.107
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	147.138.132.714	141.327.440.950
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.385.053.486	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.555.997.995	4.703.016.910
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.615.009.010</b>	<b>25.999.401.095</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	27.201.198.866	25.618.049.191
Dự phòng phải trả dài hạn	342		413.810.144	381.351.904
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>146.248.043.150</b>	<b>152.770.605.653</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>146.248.043.150</b>	<b>152.770.605.653</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	24.327.394.348
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.668.931.557	27.978.735.149
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27.978.735.149
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.668.931.557	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>411.724.657.674</b>	<b>399.115.394.604</b>

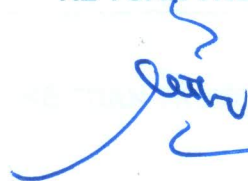
Thái Nguyên, ngày 02 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THU HIỀN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	344.131.705.499	283.364.778.262
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV</b>	<b>10</b>		<b>344.131.705.499</b>	<b>283.364.778.262</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	302.378.707.106	243.195.256.028
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>41.752.998.393</b>	<b>40.169.522.234</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.351.712.756	858.339.772
Chi phí tài chính	22	6.4	5.906.860.674	9.098.364.133
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.905.803.315	9.098.364.133
Chi phí bán hàng	24	6.7	6.851.434.867	4.838.295.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	13.242.583.988	12.280.729.825
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.103.831.620</b>	<b>14.810.472.531</b>
Thu nhập khác	31	6.5	23.119.701	398.104.052
Chi phí khác	32	6.6	6.000.000	490.549.238
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>17.119.701</b>	<b>(92.445.186)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.120.951.321</b>	<b>14.718.027.345</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3.452.019.764	2.958.522.969
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>13.668.931.557</b>	<b>11.759.504.376</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.367	1.176

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		17.120.951.321	14.718.027.345
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.679.748.520	26.731.520.570
Các khoản dự phòng	03		1.858.605.556	(186.373.033)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.674.156)	(3.434.872)
Chi phí lãi vay	06		5.905.803.315	9.098.364.133
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>54.561.434.556</b>	<b>50.358.104.143</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(29.876.837.545)	(29.099.127.824)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(2.503.456.317)	(6.817.155.166)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		2.883.948.792	(17.120.477.939)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		420.620.442	(3.051.762.485)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.897.030.048)	(8.341.538.804)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		182.110.000	126.330.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.520.622.975)	(1.473.286.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.250.166.905</b>	<b>(15.418.914.463)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(1.838.778.961)	(2.386.882.827)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.674.156	3.434.872
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.835.104.805)</b>	<b>(2.383.447.955)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	280.266.749.869	257.829.544.908
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(272.872.908.430)	(224.527.109.613)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.877.250.500)	(12.937.727.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.483.409.061)</b>	<b>20.364.707.795</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.923.514.629	1.199.816.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>10.855.167.668</b>	<b>3.762.161.959</b>

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 615 người, trong đó số nhân viên quản lý là 53 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

344064  
CÔNG T  
NHIỆM  
PKI  
TIỆT N  
XUÂN

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính                      Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại                  Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:                      5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị                              8 - 20 năm
- Phương tiện vận tải                          6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng                          5 năm

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất 27 - 30 năm
- Tài sản cố định khác 5 năm

**4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí phối hợp, phí sử dụng thương hiệu và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 3 ngày 21/05/2014, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000	100%
Các cổ đông khác	48.617.000.000	48.617.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.12 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, giá vốn cung cấp dịch vụ.

**4.14 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**4.15 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **4.16 Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	(i) 6.920.572.782	889.767.719
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii) 3.934.594.886	2.033.746.910
<b>Cộng</b>	<b>10.855.167.668</b>	<b>2.923.514.629</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Đồng Việt Nam		6.920.572.782
<b>Cộng</b>		<b>6.920.572.782</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Đồng Việt Nam		3.934.594.886
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		907.868.450
<i>Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		924.445.789
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.381.688.619
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		706.713.329
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Thái Nguyên</i>		4.058.730
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		9.819.969
<b>Cộng</b>		<b>3.934.594.886</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.2. Phải thu khách hàng**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>47.880.453.766</b>	<b>21.007.960.727</b>
Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên	14.957.680.000	14.957.680.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	32.922.773.766	6.050.280.727
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>47.880.453.766</b>	<b>21.007.960.727</b>

**5.3. Phải thu khác**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>573.195.744</b>	-	<b>990.495.954</b>	-
Phải thu người lao động	263.172.420	-	556.950.286	-
Tạm ứng	47.139.033	-	201.721.435	-
Phải thu khác	262.884.291	-	231.824.233	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>413.810.144</b>	-	<b>381.351.904</b>	-
Ký quỹ, ký cược	413.810.144	-	381.351.904	-
<b>Cộng</b>	<b>987.005.888</b>	-	<b>1.371.847.858</b>	-

**5.4. Nợ xấu**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;				
- Từ 3 năm trở lên	1.193.108.000	-	377.747.052	-
<i>Công ty Cổ phần Bê tông Đức Liêm</i>	113.520.000	-	158.520.000	-
<i>Công ty TNHH Dương Gia Thái Nguyên</i>	849.644.500	-	-	-
<i>Đối tượng khác</i>	229.943.500	-	219.227.052	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	87.000.000	26.100.000	997.972.500	299.391.750
<i>Công ty TNHH Dương Gia Thái Nguyên</i>	-	-	971.907.500	291.572.250

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng khác	87.000.000	26.100.000	26.065.000	7.819.500
- Từ 1 đến dưới 2 năm	724.496.402	362.248.201	112.000.000	56.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Quang Tuyến	-	-	112.000.000	56.000.000
Công ty CP tấm lợp và VLXD Thái Nguyên	657.716.402	328.858.201	-	-
Đối tượng khác	66.780.000	33.390.000	-	-
- Dưới 1 năm	240.142.309	168.099.616	673.212.102	471.248.471
Công ty CP tấm lợp và VLXD Thái Nguyên	-	-	673.212.102	471.248.471
Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Bắc - Thái Nguyên	123.849.000	86.694.300	-	-
Đối tượng khác	116.293.309	81.405.316	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.	-	-	-	-

**5.5. Hàng tồn kho**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.687.353.323	(409.000.529)	6.021.561.239	(1.321.914.160)
Công cụ, dụng cụ	53.294.276	-	45.849.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.907.830.902	-	13.121.031.578	-
Hàng mua đang đi đường	43.419.839	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.691.898.340</b>	<b>(409.000.529)</b>	<b>19.188.442.023</b>	<b>(1.321.914.160)</b>

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 414.483.819 đồng. Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư của các kho dây truyền, lò quay, thiết bị động cơ tồn đọng không sử dụng đến, bị mất phẩm chất không đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hướng xử lý tiếp tục (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ: 21.239.477.972 đồng.
- Số trích lập dự phòng giảm trong kỳ do Công ty đã thực hiện thanh lý vật tư ứ đọng mất phẩm chất không dùng đến.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	4.461.516.651	3.505.237.690
<i>Chi phí xây dựng công trình mỏ đá vôi Đồng Chuông</i>	<i>2.760.344.358</i>	<i>1.907.485.890</i>
<i>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường</i>	<i>1.597.751.800</i>	<i>1.597.751.800</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>103.420.493</i>	-
- Sửa chữa	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.461.516.651</u></b>	<b><u>3.505.237.690</u></b>

14406  
ÔNG  
NHIỆM  
PKI  
ỆT N  
YUÂN

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	321.569.377.803	569.399.207.269	26.651.299.789	319.090.909	-	917.938.975.770
- Mua trong kỳ	-	882.500.000	-	-	-	882.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>321.569.377.803</b>	<b>570.281.707.269</b>	<b>26.651.299.789</b>	<b>319.090.909</b>		<b>918.821.475.770</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	180.282.980.315	377.857.541.892	25.604.107.606	319.090.909	-	584.063.720.722
- Khấu hao trong kỳ	6.843.240.773	22.095.784.909	380.493.486	-	-	29.319.519.168
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>187.126.221.088</b>	<b>399.953.326.801</b>	<b>25.984.601.092</b>	<b>319.090.909</b>		<b>613.383.239.890</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	141.286.397.488	191.541.665.377	1.047.192.183	-	-	333.875.255.048
Tại ngày cuối kỳ	134.443.156.715	170.328.380.468	666.698.697	-	-	305.438.235.880
- Nguyên giá TSCĐ đem đi thế chấp, cầm cố						680.074.980.457
- Nguyên giá TSCĐ đã KH hết, đang sử dụng						198.013.545.248
- Chờ thanh lý						-



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.826.066.535</b>	<b>1.632.274.438</b>	<b>21.458.340.973</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu kỳ	4.409.693.911	1.632.274.438	6.041.968.349
- Khấu hao trong kỳ	360.229.352	-	360.229.352
- Tặng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.769.923.263</b>	<b>1.632.274.438</b>	<b>6.402.197.701</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	15.416.372.624	-	15.416.372.624
Tại ngày cuối kỳ	15.056.143.272	-	15.056.143.272
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:			-
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438	

**5.9. Chi phí trả trước**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	3.026.421.808	3.447.042.250
Chi phí SCL tài sản cố định	1.559.653.802	1.949.567.252
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	343.661.754	-
Phí sử dụng tài liệu	1.123.106.252	1.497.474.998
<b>Cộng</b>	<b>3.026.421.808</b>	<b>3.447.042.250</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.10. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>116.327.440.950</b>	<b>116.327.440.950</b>	<b>277.573.250.534</b>	<b>246.861.225.450</b>	<b>147.039.466.034</b>	<b>147.039.466.034</b>
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	48.735.570.000	48.735.570.000	140.803.592.602	139.299.354.500	50.239.808.102	50.239.808.102
Vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	25.007.000.000	25.007.000.000	59.791.698.875	26.307.000.000	58.491.698.875	58.491.698.875
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên	42.584.870.950	42.584.870.950	76.977.959.057	81.254.870.950	38.307.959.057	38.307.959.057
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>50.618.049.191</b>	<b>50.618.049.191</b>	<b>2.693.499.335</b>	<b>26.011.682.980</b>	<b>27.299.865.546</b>	<b>27.299.865.546</b>
Từ 1 năm đến 5 năm	50.618.049.191	50.618.049.191	2.693.499.335	26.011.682.980	27.299.865.546	27.299.865.546
Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên	98.666.680	98.666.680	-	-	98.666.680	98.666.680
Các đối tượng cá nhân khác	25.519.382.511	25.519.382.511	2.693.499.335	1.011.682.980	27.201.198.866	27.201.198.866
Từ trên 5 năm đến 10 năm	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>166.945.490.141</b>	<b>166.945.490.141</b>	<b>280.266.749.869</b>	<b>272.872.908.430</b>	<b>174.339.331.580</b>	<b>174.339.331.580</b>



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	01/01/2018 (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>98.666.680</b>	<b>98.666.680</b>
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
Vay NH TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	98.666.680	98.666.680
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>166.945.490.141</b>	<b>166.945.490.141</b>	<b>174.339.331.580</b>	<b>174.339.331.580</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	141.327.440.950	141.327.440.950	147.138.132.714	147.138.132.714
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	25.618.049.191	25.618.049.191	27.201.198.866	27.201.198.866

**5.11. Phải trả người bán**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30.603.672.855</b>	<b>30.603.672.855</b>	<b>36.108.090.988</b>	<b>36.108.090.988</b>
Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	11.140.764.455	11.140.764.455	11.948.010.445	11.948.010.445
Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	3.997.528.133	3.997.528.133	979.949.748	979.949.748
Các nhà cung cấp khác	15.465.380.267	15.465.380.267	23.180.130.795	23.180.130.795
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>30.603.672.855</b>	<b>30.603.672.855</b>	<b>36.108.090.988</b>	<b>36.108.090.988</b>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>01/01/2018</u> (VND)	<u>Số phải nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>30/06/2018</u> (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.213.844.887	10.394.450.075	2.084.902.186	11.523.392.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.097.374.568	3.452.019.764	-	6.549.394.332
Thuế thu nhập cá nhân	248.333.655	529.168.158	273.717.234	503.784.579
Thuế tài nguyên	103.596.028	674.600.038	112.626.548	665.569.518
Thuế đất và tiền thuê đất	-	547.082.964	547.082.964	-
Các loại thuế khác	18.348.119	3.000.000	3.000.000	18.348.119
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	28.761.399	2.814.283.200	2.658.412.200	184.632.399
<b>Cộng</b>	<b>6.710.258.656</b>	<b>18.414.604.199</b>	<b>5.679.741.132</b>	<b>19.445.121.723</b>
<b>b. Phải thu</b>				
<b>Cộng</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.13. Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.873.878.829</b>	<b>4.125.611.885</b>
Lãi vay	1.322.870.787	1.314.097.520
Chi phí điện năng tiêu thụ	1.971.937.905	2.529.879.870
Các khoản trích trước khác	579.070.137	281.634.495
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.873.878.829</u></b>	<b><u>4.125.611.885</u></b>

**5.14. Phải trả khác**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.317.987.056</b>	<b>1.391.546.107</b>
Kinh phí công đoàn	159.014.162	60.788.586
Cổ tức trả cổ đông	353.333.250	230.583.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	805.639.644	1.100.173.771
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.317.987.056</u></b>	<b><u>1.391.546.107</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**  
Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ SH VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>24.327.394.348</b>	-	<b>124.791.870.504</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.978.735.149	27.978.735.149
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>24.327.394.348</b>	<b>27.978.735.149</b>	<b>152.770.605.653</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	13.668.931.557	13.668.931.557
Tăng khác	-	-	-	-	7.787.241.089
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.787.241.089	(27.978.735.149)	(27.978.735.149)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>32.114.635.437</b>	<b>13.668.931.557</b>	<b>146.248.043.150</b>



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	48.617.000.000	48.617.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/06/2018</u> (VND)	<u>Năm 2017</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.000.000.000</b>	

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	32.114.635.437	24.327.394.348

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>344.131.705.499</b>	<b>283.364.778.262</b>
Doanh thu bán hàng	342.808.646.612	278.739.481.677
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.323.058.887	4.625.296.585

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	299.246.344.075	239.012.387.669
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	739.977.539	4.182.868.359
Chi phí tuyến đường mỏ Đồng Chuông	1.117.553.486	-
Tiền cấp quyền	2.187.745.637	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(912.913.631)	-
<b>Cộng</b>	<b>302.378.707.106</b>	<b>243.195.256.028</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi	3.674.156	3.434.872
Chiết khấu thanh toán	1.348.038.600	854.904.900
<b>Cộng</b>	<b>1.351.712.756</b>	<b>858.339.772</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	5.905.803.315	9.098.364.133
Chi phí tài chính khác	1.057.359	-
<b>Cộng</b>	<b>5.906.860.674</b>	<b>9.098.364.133</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Cho thuê trụ sở và địa điểm	-	141.818.181
Thu từ bán vật tư, phế liệu	-	247.448.146
Các khoản khác	23.119.701	8.837.725
<b>Cộng</b>	<b>23.119.701</b>	<b>398.104.052</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thanh lý vật tư phế liệu	-	490.549.238
Các khoản bị phạt	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>490.549.238</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.888.576.527</b>	<b>12.280.729.825</b>
Chi phí nhân viên	8.089.800.000	7.055.520.000
Chi phí khác bằng tiền	3.911.595.358	3.484.045.542
Các khoản khác	887.181.169	1.741.164.283
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>6.851.434.867</b>	<b>4.838.295.517</b>
Chi phí nhân viên	1.170.700.000	1.296.900.000
Chi phí vật liệu	1.058.878.411	60.456.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.890.019	318.477.042
Các khoản khác	4.447.966.437	3.162.461.932
<b>c. Các khoản ghi tăng Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>354.007.461</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>20.094.018.855</b>	<b>17.119.025.342</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236.024.756.508	188.178.497.951
Chi phí nhân công	44.638.447.658	37.982.757.015
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.275.863.320	26.731.520.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.916.614.866	2.963.614.683
Chi phí khác bằng tiền	12.282.188.280	8.449.251.022
<b>Cộng</b>	<b>327.137.870.632</b>	<b>264.305.641.241</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.120.951.321	14.718.027.345
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	139.147.500	74.587.500
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>139.147.500</i>	<i>74.587.500</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	17.260.098.821	14.792.614.845
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	17.260.098.821	14.792.614.845
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.452.019.764	2.958.522.969
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.452.019.764</b>	<b>2.958.522.969</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	13.668.931.557	11.759.504.376
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	13.668.931.557	11.759.504.376
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.367</b>	<b>1.176</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 280.266.749.869 VND

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 272.872.908.430 VND

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2018</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.855.167.668	-	10.855.167.668
Phải thu khách hàng	47.880.453.766	-	47.880.453.766
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	526.056.711	413.810.144	939.866.855
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.688.298.894)	-	(1.688.298.894)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.573.379.251</b>	<b>413.810.144</b>	<b>57.987.189.395</b>
<b>Ngày 30/06/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	147.138.132.714	27.201.198.866	174.339.331.580
Phải trả người bán	30.603.672.855	-	30.603.672.855
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	24.636.987.608	-	24.636.987.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>202.378.793.177</b>	<b>27.201.198.866</b>	<b>229.579.992.043</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(144.805.413.926)</b>	<b>(26.787.388.722)</b>	<b>(171.592.802.648)</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.923.514.629	-	2.923.514.629
Phải thu khách hàng	21.007.960.727	-	21.007.960.727
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	990.495.954	381.351.904	1.371.847.858
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.334.291.433)	-	(1.334.291.433)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.587.679.877</b>	<b>381.351.904</b>	<b>23.969.031.781</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	141.327.440.950	25.618.049.191	166.945.490.141
Phải trả người bán	36.108.090.988	-	36.108.090.988
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	12.227.416.648	-	12.227.416.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>189.662.948.586</b>	<b>25.618.049.191</b>	<b>215.280.997.777</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(166.075.268.709)</b>	<b>(25.236.697.287)</b>	<b>(191.311.965.996)</b>

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM I

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	47.880.453.766	21.007.960.727	46.192.154.872	21.007.960.727
<i>Các khoản phải thu khác</i>	939.866.855	1.371.847.858	939.866.855	1.371.847.858
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	10.855.167.668	2.923.514.629	10.855.167.668	2.923.514.629
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.675.488.289</b>	<b>25.303.323.214</b>	<b>57.987.189.395</b>	<b>25.303.323.214</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	174.339.331.580	166.945.490.141	174.339.331.580	166.945.490.141
<i>Phải trả người bán</i>	30.603.672.855	36.108.090.988	30.603.672.855	36.108.090.988
<i>Phải trả khác</i>	24.636.987.608	12.227.416.648	24.636.987.608	12.227.416.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>229.579.992.043</b>	<b>215.280.997.777</b>	<b>229.579.992.043</b>	<b>215.280.997.777</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ điện, nước chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.3 Thông tin về các bên có liên quan**

Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan;
- Phụ biểu 02: Bảng kê các số dư chủ yếu với các bên liên quan.

**8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

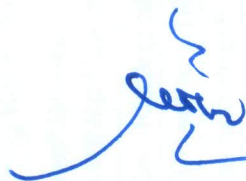
Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN VĂN DŨNG

**BẢNG KÊ CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ		Loại giao dịch	Số tiền (VND)
	Diễn giải	% Sở hữu		
Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam	Tập đoàn		Mua than	60.302.260.040
Trường Cao đẳng Nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn		Chi phí đào tạo nghề	60.000.000
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ	Cùng Tập đoàn		Mua vật liệu nổ	183.747.040
			Bán xi măng	28.909.090
Bệnh viện Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn		Chi phí khám sức khỏe	165.631.500
Chi nhánh CTCP vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	Cùng Tập đoàn		Mua dầu	325.255.150
Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn		Chi phí đào tạo	7.375.000
Công ty than Khánh Hòa - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Cho Thuê máy xúc	660.000.000
			Mua đá thải	1.392.976.000
Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Bán sắt thép phế liệu	274.716.000
			Mua vật tư	1.371.199.500
Công ty CP đầu tư xây dựng - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Bán xi măng	9.409.090
			Bán clinker	2.321.752.000
Công ty xi măng Quán Triều VVMI	Cùng Tổng Công ty		Mua clinker	8.795.808.045
			Thuê chuyên gia tư vấn	135.000.000
Công ty xi măng Tân Quang - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Bán clinker	2.377.499.728
			Mua clinker	3.012.478.727
Công ty than Núi Hồng - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Chi phí điều dưỡng	101.760.000
Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Mua vỏ bao	35.408.806.300
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	51,38%	Phí điều hành	346.750.738
Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Chi phí phòng nghỉ, điều dưỡng	1.951.112.726
			Vật tư	852.931.204
Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Chi phí tiếp khách, điều dưỡng	47.256.363
Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT		Thù lao HĐQT	36.592.500

**BẢNG KÊ CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ		Loại giao dịch	Số tiền (VND)
	Diễn giải	% Sở hữu		
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT/ Giám đốc		Thu nhập từ tiền lương	117.010.979
			Thù lao HĐQT	85.063.200
Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT		Thù lao HĐQT	21.630.000
Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT		Thù lao HĐQT	21.630.000
Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT		Thù lao HĐQT năm 2017	2.677.500
Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng Ủy viên HĐQT		Thu nhập từ tiền lương	91.766.563
			Thù lao HĐQT	72.471.400
Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT		Thù lao HĐQT	12.000.000
Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT		Thù lao HĐQT	12.000.000
Lê Bá Chức	Phó Giám đốc		Thu nhập từ tiền lương	171.596.625
Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc		Thu nhập từ tiền lương	155.303.624
Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc		Thu nhập từ tiền lương	163.065.375
Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát		Thù lao ban kiểm soát 2017	37.456.875
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban kiểm soát		Thu nhập từ tiền lương	30.592.542
			Thù lao ban kiểm soát	7.500.000
Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên BKS		Thu nhập từ tiền lương	84.581.949
			Thù lao, thưởng ban kiểm soát	21.948.784

**BẢNG KÊ CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ		Loại giao dịch	Số tiền (VND)
	Diễn giải	% Sở hữu		
Hồ Thị Huệ	Ủy viên BKS		Thù lao ban kiểm soát	21.407.550
Lê Hồng Cẩm	Ủy viên BKS		Thù lao ban kiểm soát	12.000.000
Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS		Thù lao ban kiểm soát	12.000.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THU HIỀN

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 08 năm 2018

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

**BẢNG KÊ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ		Số dư	Số tiền (VND)
	Diễn giải	% Sở hữu		
Tổng Công ty hóa chất mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn		Phải trả người bán	66.827.200
			Phải trả khác	32.802.015
Xí nghiệp vật tư Hòn Gai - Công ty CP Vật tư TKV	Cùng Tập đoàn		Phải trả người bán	108.463.190
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Tập đoàn		Trả trước cho người bán	3.795.913.824
Công ty than Núi Hồng - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Phải trả người bán	51.840.000
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Phải trả người bán	624.940.000
Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Phải trả người bán	11.140.764.455
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	51,38%	Phải trả người bán	381.425.811
Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Phải trả người bán	32.147.548
Công ty CP đầu tư xây dựng - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Trả trước cho người bán	550.000.000
			Phải thu khách hàng	10.350.000
Công ty than Khánh Hòa - VVMI	Cùng Tổng Công ty		Phải thu khách hàng	105.748.500

**BẢNG KÊ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối quan hệ		Số dư	Số tiền (VND)
	Diễn giải	% Sở hữu		
Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT/Giám đốc		Phải trả khác	17.100.000
Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT		Phải trả khác	13.575.000
Lê Bá Chức	Phó Giám đốc		Phải trả khác	15.000.000
Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc		Phải trả khác	15.000.000
Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc		Phải trả khác	15.000.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban kiểm soát		Phải trả khác	15.000.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THU HIỀN

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 08 năm 2018

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG